



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

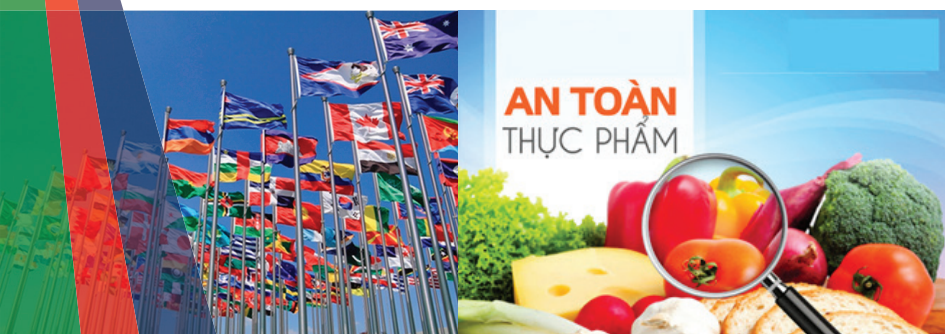
VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 05, THÁNG 01/ 2021

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

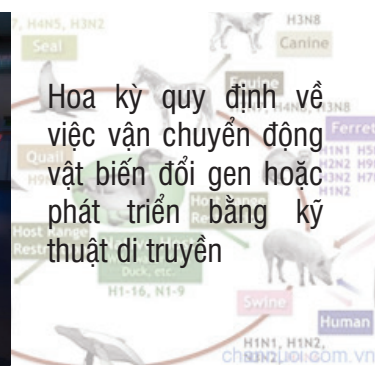
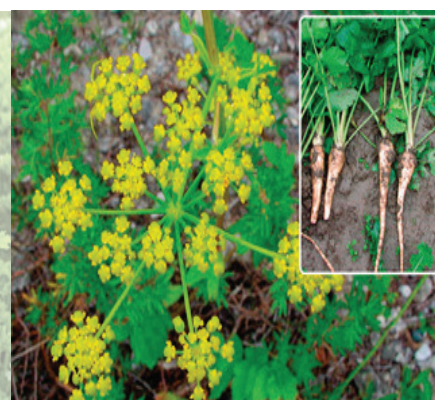


Tổng hợp các biện pháp phi thuế
quan năm 2020 của các nước
thành viên WTO trong bối cảnh
dịch bệnh COVID-19

EU sửa đổi việc gia hạn ủy quyền
đối với chất Selenomethionine
được sản xuất từ *Saccharomyces
Cerevisiae* CNCM I-3399



Úc thông báo về các
yêu cầu cấp phép
nhập khẩu theo kế
hoạch đối với hạt
giống Apiaceous



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cường

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: www.spsvietnam.gov.vn

CHUYÊN MỤC

THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG

- Tổng hợp các biện pháp phi thuế quan năm 2020 của các nước thành viên WTO trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. **3**
- Tìm hiểu khái niệm chất lượng, an toàn và vệ sinh trong sản xuất thực phẩm. **5**

Ý KIẾN - TRAO ĐỔI

- EU sửa đổi việc gia hạn ủy quyền đối với chất Selenomethionine được sản xuất từ *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399 **9**
- Nhật Bản sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp. **11**
- Úc thông báo về các yêu cầu cấp phép nhập khẩu theo kế hoạch đối với hạt giống *Apiaceus* **12**
- Hoa Kỳ quy định về việc vận chuyển động vật biến đổi gen hoặc phát triển bằng kỹ thuật di truyền. **14**
- Cục phát triển chăn nuôi Thái Lan ra lệnh tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của cúm gia cầm độc lực cao. **15**

VĂN BẢN MỚI

- Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 1/2021 **16**



TỔNG HỢP CÁC BIỆN PHÁP PHI THUẾ QUAN NĂM 2020 CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19

ThS. Trần Thùy Dung
Văn phòng SPS Việt Nam

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH:

- Trong năm 2020, khoảng 2/3 thông báo của các nước thành viên WTO về COVID-19 có liên quan đến các tiêu chuẩn và quy định về sản phẩm, hoặc các thủ tục để đánh giá sự phù hợp với các biện pháp đó (bao gồm các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS)). Các thông báo này được đưa ra bởi 38 nước thành viên WTO.
- Các tiêu chuẩn, quy định và các biện pháp SPS/TBT liên quan do các thành viên WTO thông báo chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động thương mại về dụng cụ bảo hộ cá nhân (PPE), thực phẩm, thiết bị y tế, sản phẩm thực vật và động vật sống.
- Các biện pháp SPS/TBT được thông báo chủ yếu chia thành 4 loại chính: Ưu tiên đẩy nhanh các thủ tục cấp chứng nhận; Đảm bảo rằng hàng hóa y tế được an toàn; Đảm bảo cung ứng thực phẩm bằng cách nới lỏng các quy định kỹ thuật; và giải quyết các rủi ro COVID-19 từ hoạt động buôn bán quốc tế về động vật sống và sản phẩm động vật.

1. GIỚI THIỆU

Nhìn lại năm 2020, Đại dịch Covid-19 đã trở thành mối nguy toàn cầu và gây ra các tác động lớn trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người dân, cũng như ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Các hạn chế đi lại và đóng cửa biên giới trong chính sách giai đoạn đầu của các

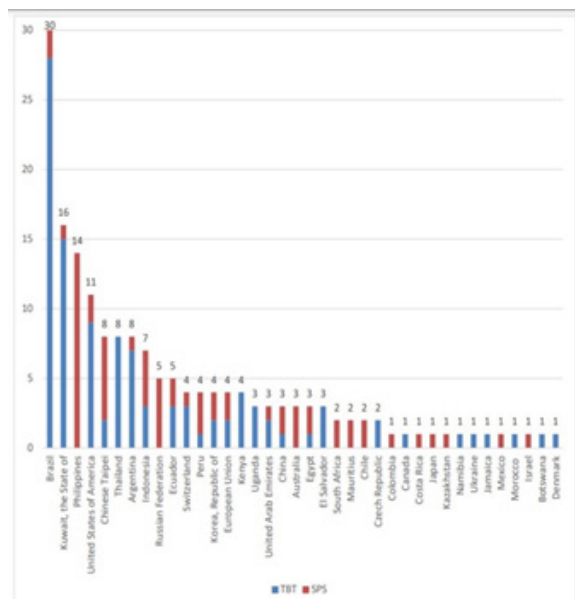
nước đối với đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu. Các quốc gia thành viên WTO đã đưa ra rất nhiều các biện pháp phi thuế quan (SPS/TBT) nhằm giảm thiểu các rủi ro do Covid-19 cũng như hạn chế sự gián đoạn trong hoạt động trao đổi thương mại và hàng hóa dịch vụ giữa các nước.

Trong năm 2020, Văn phòng SPS Việt Nam đã tiến hành tổng hợp, thống kê và phân tích các tiêu chuẩn và quy định mà các quốc gia thành viên đã thông báo cho WTO để ứng phó với đại dịch COVID-19. Các biện pháp này đã được thông báo tới WTO theo các cam kết trong Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS), trong đó quy định các nguyên tắc về tiêu chuẩn và các biện pháp quy định được sử dụng để bảo vệ con người, động vật và sức khỏe của cây trồng và môi trường, và để đảm bảo an toàn cho sản phẩm.

Một số biện pháp nổi bật trong thời gian qua mà các quốc gia thành viên WTO đã thực hiện có thể kể đến biện pháp tạm thời nhằm tăng cường cung ứng các dụng cụ bảo hộ y tế cá nhân (PPE) của các nước thành viên WTO: Brazil đã nới lỏng các yêu cầu cấp phép, trong khi Canada và Thụy Sĩ đã nới lỏng một số quy tắc ghi nhãn sản phẩm nhất định. Một số quốc gia thành viên (bao gồm Argentina, Úc, Chile, Colombia, Costa Rica, Liên minh Châu Âu, Indonesia, Israel, Nhật Bản, Mexico, Peru, Philippines, Liên bang Nga, Nam Phi, Đài Bắc Trung Hoa và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất) đang chấp nhận bản scan hoặc chứng chỉ SPS điện tử nhằm giảm thiểu sự gián đoạn thương mại do COVID-19 gây ra. Ngoài ra, một số thành viên đã tăng cường các biện pháp tạo thuận lợi thương mại tạm thời được áp dụng kể từ khi bắt đầu đại dịch cho đến nay.

2. CÁC THÔNG BÁO SPS/TBT VÀ TUYÊN BỐ TRUYỀN THÔNG

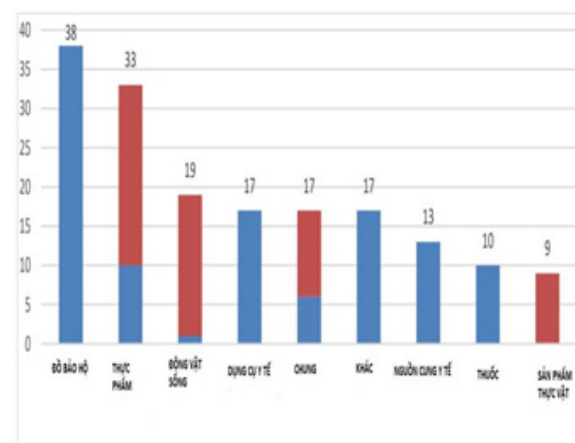
Tính đến thời điểm ngày 1 tháng 12 năm 2020, 2/3 số Thông báo/Tuyên bố do các nước thành viên WTO nộp về COVID-19 có liên quan đến các tiêu chuẩn và quy định SPS/TBT. Ba mươi tám thành viên WTO đã gửi 171 Thông báo/Tuyên bố về COVID-19, bao gồm 106



Hình 1: Thông báo và liên lạc TBT / SPS liên quan đến COVID-19 của các nước thành viên WTO

Các Thông báo TBT và SPS được phân loại là có liên quan đến COVID-19 nếu chúng chứa các thuật ngữ “coronavirus”, “COVID”, “SARS-COV-2” và “nCoV” và được ban hành đến ngày 1 tháng 12 năm 2020 (bao gồm 56 bản sửa đổi, addenda và corrigenda đến các thông báo trước).

Thông báo TBT và SPS trong năm 2020 chủ yếu áp dụng cho nhiều loại sản phẩm, bao gồm PPE, thực phẩm, động vật sống, thiết bị y tế, vật tư y tế, thuốc (dược phẩm), sản phẩm thực vật và áp dụng chung (Hình 2).



Hình 2: Phân loại các sản phẩm theo các thông báo SPS/TBT

Khoảng một nửa số thông báo tới WTO trong năm vừa qua đã được áp dụng theo các điều khoản thông báo khẩn cấp của Hiệp định TBT và Hiệp định SPS để đối phó với các vấn đề sức khỏe cấp bách do đại dịch gây ra. Theo các quy định này, các thành viên WTO có thể áp dụng các biện pháp trực tiếp và thông báo ngay cho WTO mà không cần đưa ra thời hạn tiếp nhận góp ý thông thường là 60 ngày (hoặc thời gian chuyển tiếp sáu tháng trước khi có hiệu lực).

Đối với TBT, khoảng một nửa các biện pháp được thông báo là tạm thời, thường áp dụng trong khoảng thời gian sáu tháng.

Đối với các biện pháp SPS, một nửa trong số các biện pháp được thông báo là biện pháp khẩn cấp và 2/3 được thông báo là tạm thời. Một nửa còn lại của các biện pháp SPS được

gửi dưới dạng thông báo thường xuyên; trong số này, 93% được xác định là các biện pháp tạo thuận lợi cho thương mại.

Theo các Thủ tục minh bạch được khuyến nghị của Ủy ban SPS, các biện pháp tạo thuận lợi thương mại này cần có hiệu lực ngay và không nên bị trì hoãn một cách không cần thiết. Tuy nhiên, các biện pháp khẩn cấp này vẫn cần tuân thủ các quy định khác của Hiệp định TBT và Hiệp định SPS, chẳng hạn như tránh các rào cản phân biệt đối xử và không cần thiết đối với thương mại, đảm bảo cơ sở khoa học cho các biện pháp và hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống cảnh báo Thông báo TBT/SPS, ePing tạo điều kiện cho các bên liên quan, bao gồm cả nhà nước và tư nhân có thể truy cập nhanh vào các thông báo này để họ có thể đưa ra các phản ứng và điều chỉnh khi cần thiết đối với các yêu cầu và thủ tục đang được xây dựng.



TÌM HIỂU KHÁI NIỆM CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VÀ VỆ SINH TRONG SẢN XUẤT THỰC PHẨM

Nguyễn Tử Cương

Trưởng ban Phát triển thủy sản bền vững, Hội nghề cá Việt Nam

1. Khái niệm về chất lượng sản phẩm hàng hóa

1.1. Khái niệm

Trong cuộc sống hàng ngày mỗi người đều sử dụng rất nhiều sản phẩm mà hầu hết trong số đó không do mình làm ra, ví dụ áo, quần đang mặc; cơm, rau, thịt trong bữa ăn hàng ngày; máy tính

đang sử dụng...Khi dùng chúng ta thường nói: “Sản phẩm này có chất lượng” hoặc “sản phẩm này không có chất lượng bằng sản phẩm cùng loại kia....” mọi người nói lên nhận xét như vậy là dựa vào tiêu chí đánh giá của riêng mình mà những nhận xét đó chưa hẳn đã được người khác đồng ý.

Nguyên nhân chính là: Khái niệm chất lượng tùy thuộc vào nhu cầu, hoàn cảnh sống và thời

điểm sống của mỗi người. Khi nói một sản phẩm có chất lượng người ta đã dựa vào những chỉ tiêu do mình tự xác định để đánh giá, nhận xét.

Theo đó, định nghĩa về “Chất lượng sản phẩm hàng hóa” được thống nhất như sau:

Chất lượng sản phẩm hàng hóa là tập hợp các đặc tính của hàng hóa, mà những đặc tính này tạo cho hàng hóa khả năng thỏa mãn nhu cầu hiện hữu hoặc tiềm ẩn của người sử dụng (TCVN5814-1994/ISO 8042)

Ví dụ: Khi mua chiếc quạt điện, người ta chú ý đến:

i) Đặc tính thỏa mãn nhu cầu hiện hữu của người sử dụng là: Hình dáng, cấu trúc, màu sắc, lượng gió làm mát, độ ồn, lượng điện tiêu thụ;

ii) Đặc tính thỏa mãn nhu cầu tiềm ẩn của người sử dụng là: Chiếc quạt này có tuổi thọ bao lâu? Có bị “mát” điện không?

1.2. Các đặc tính của chất lượng hàng hóa

Việc xác định các đặc tính của chất lượng sản phẩm hàng hóa là:

- Sự đánh giá chủ quan của mỗi người;
- Không theo chuẩn mực cụ thể, do vậy khó có thể xác định ý kiến này đúng, ý kiến kia sai;
- Các đánh giá ở cùng một người có thể thay đổi theo thời gian, không gian và theo điều kiện sử dụng;

Do vậy các đánh giá nêu trên không đồng nghĩa với sự hoàn hảo.

1.3. Ba bên liên quan đến chất lượng sản phẩm hàng hóa

i) Người tiêu dùng: Là điểm khởi đầu nhưng cũng là điểm kết thúc của chu trình sản xuất hàng hóa. Người tiêu dùng luôn có mong muốn:

Chất lượng sản phẩm phải cao, nhưng giá bán càng thấp càng tốt.

ii) Nhà sản xuất: Nhà sản xuất ở từng lĩnh vực được sinh ra và phát triển đi lên hay lụi tàn là do người tiêu dùng quyết định. Điểm chung của nhà sản xuất là mong muốn bán nhiều sản phẩm, giá bán cao, lợi nhuận nhiều trên cơ sở mức chất lượng sản phẩm hàng hóa được người tiêu dùng chấp nhận

iii) Nhà nước: Vai trò nhà nước là 1) Thiết lập trật tự chất lượng sản phẩm hàng hóa trong sản xuất và lưu thông; 2) Đóng vai trò trung gian khi có sự tranh chấp giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng; 3) Điều quan trọng nhất là kiểm soát sự tuân thủ của cả nhà sản xuất và người tiêu dùng thông qua hệ thống quy phạm pháp luật.

2. Các đặc tính của chất lượng hàng hóa là thực phẩm

2.1. Hàng hóa là thực phẩm có ba đặc tính cơ bản như sau:

- Tính khả dụng
- Tính kinh tế
- Tính an toàn

2.2. Tính khả dụng của chất lượng hàng hóa thực phẩm

i) Tính khả dụng của chất lượng hàng hóa là thực phẩm được xác định thông qua ba nhóm chỉ tiêu:

- Nhóm chỉ tiêu cảm quan: Màu sắc, mùi, vị ...
- Nhóm chỉ tiêu vật lý: Độ đàn hồi, độ săn chắc, cơ cấu của sản phẩm...
- Nhóm chỉ tiêu hóa học: Đường, đạm, mỡ, muối, nước, khoáng chất...

ii) Thông qua những nội dung của đặc tính khả dụng để xác định:

- Giá trị dinh dưỡng của thực phẩm (thường được xác định bằng số calo/g sản phẩm);

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của người sử dụng hoặc yêu cầu chế biến tiếp;

- Mức độ đáp ứng nhu cầu riêng biệt của người sử dụng như: Phụ nữ có thai, người bị bệnh gut, người bị bệnh tiểu đường, người theo đạo Hồi....

2.3. Tính kinh tế của sản phẩm hàng hóa là thực phẩm

i) Tính kinh tế của sản phẩm hàng hóa là thực phẩm được xác định thông qua nhãn của sản phẩm. Nhãn (hoặc những thông tin kèm theo, ví dụ chương trình phần mềm) của sản phẩm phải đầy đủ thông tin về:

- Loài, hạng, khối lượng, cỡ.... của sản phẩm;

- Thành phần dinh dưỡng;

- Nguồn gốc xuất xứ;

- Hạn sử dụng;

- Quy trình chế biến (bao gồm các thông tin khác biệt như sử dụng kỹ thuật GNO, chiếu xạ...);

- Hướng dẫn bảo quản và sử dụng;

- Những lưu ý đặc biệt khác (ví dụ: Sản phẩm không sử dụng cho người bị bệnh gut, tiểu đường...).

ii) Thông qua thông tin trên nhãn và chương trình phần mềm kèm theo, người sử dụng có thể:

- Lựa chọn sản phẩm theo ý muốn;

- Kiểm soát việc gian lận thương mại (Không đúng loài, cỡ, loại; thiếu khối lượng v.v..).

2.4. Tính an toàn của hàng hóa thực phẩm

i) Thực phẩm được xác định là an toàn cho sức khỏe người sử dụng, khi trong thực phẩm không chứa 3 nhóm mối nguy là:

- Nhóm mối nguy vật lý: Là các vật cứng, sắc, nhọn có thể gây thương tích (bằng tác động vật lý) tới hệ tiêu hóa của người sử dụng;

- Nhóm mối nguy hóa học: Là các nguyên tố hoặc hợp chất hóa học có thể gây bệnh mãn tính hoặc cấp tính cho sức khỏe của người sử dụng. Ví dụ: bị ngộ độc ngay sau khi ăn thực phẩm hoặc sau một thời gian tích tụ đủ lượng thì gây các bệnh hiểm nghèo về gan, thận, phổi, ung thư...

- Nhóm mối nguy sinh học: Là các tác nhân vi khuẩn, virus, nấm, ký sinh trùng có thể gây bệnh cấp tính hay mãn tính cho sức khỏe người sử dụng. Ví dụ: Ăn thực phẩm có chứa *Vibrio cholerae* ngay lập tức người tiêu dùng bị tiêu chảy. Ăn sống thực phẩm có chứa ký sinh trùng thì một thời gian sau người ăn mới phát bệnh ở gan, phổi, túi mật (nơi mà ký sinh trùng cư trú và phát triển).

5. So sánh khái niệm chất lượng, an toàn và vệ sinh trong sản xuất thực phẩm

5.1. So sánh 3 nhóm đặc tính của chất lượng sản phẩm thực phẩm

Như đã trình bày tại mục từ 2.1 đến 2.4 thì:

i) Nếu người tiêu dùng mua phải sản phẩm bị vi phạm “Tính khả dụng” hoặc vi phạm “Tính kinh tế” thì suy cho cùng, người tiêu dùng sẽ bị thiệt hại về kinh tế. Do vậy với nguồn lực có hạn, hầu hết các quốc gia đều để nội dung này cho Nhà sản xuất và Người tiêu dùng (bao gồm các tổ chức xã hội nghề nghiệp) tự ràng buộc lẫn nhau, thông qua các tiêu chuẩn kỹ thuật được xác định trong hợp đồng kinh tế. Nhà nước sẽ đứng vai trò trung gian hòa giải khi có sự tranh chấp hoặc kiểm soát khi có sự gian lận.

ii) Nếu người tiêu dùng mua phải sản phẩm vi phạm “Tính an toàn” thì nhẹ là mất sức khỏe (ốm, đi bệnh viện), nặng thì “mất mạng”.

Vì lẽ đó tổ chức Nông nghiệp và lương thực (FAO) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO), đã thống nhất công bố chương trình kiểm soát đặc biệt với tên gọi là chương trình HACCP (Nhận diện mối nguy gây mất an toàn thực phẩm và kiểm soát mối nguy đáng kể tại điểm kiểm soát tới hạn);

Trong các hiệp định thương mại song phương và đa phương thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết đều có nội dung quy định về “Tính an toàn” của sản phẩm thực phẩm và thường có tên gọi là “Chương các vấn đề về SPS” và Tất cả các quốc gia đều phải dành nguồn lực thích đáng để trực tiếp kiểm soát “Nhóm đặc tính an toàn” của sản phẩm hàng hóa là thực phẩm, bao gồm xây dựng các nội dung kiểm soát theo chương trình phòng ngừa; các chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn thực phẩm của từng công đoạn trong chuỗi sản xuất. Theo nguyên tắc “Từ ao nuôi đến bàn ăn” cho thủy sản; “Từ chuồng trại đến bàn ăn” cho sản xuất động vật trên cạn và “Từ cái cây đến cái đĩa” cho sản xuất thực vật trên cạn và tất cả đều ban hành dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật (Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định, Quy chuẩn kỹ thuật).

5.2. So sánh các khái niệm “Chất lượng”, “An toàn thực phẩm” và “Vệ sinh”

Như đã trình bày tại mục 2.1 đến 2.4 thì

i) Nếu chúng ta nói đến “Quản lý chất lượng thực phẩm”, thì có nghĩa là đã quản lý cả 3 nhóm đặc tính là a) Tính khả dụng, b) Tính kinh tế và c) Tính an toàn.

Do vậy, người ta chỉ cần nói: “Quản lý chất lượng thực phẩm” hoặc nếu chỉ đi sâu vào tính an toàn thì nói là “Quản lý an toàn thực phẩm”. Nhưng nếu nói “Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm” là không đúng vì an toàn đã có trong chất lượng rồi.

ii) Tương tự như trên, khái niệm “vệ sinh” được nói đến khi thực hiện “Quy phạm vệ sinh chuẩn” nhằm loại bỏ tạp chất đồng thời loại bỏ các mối nguy lẫn trong tạp chất để chúng không lây nhiễm làm mất tính an toàn của sản phẩm thực phẩm. Chương trình HACCP (chương trình bắt buộc phải tuân thủ trên toàn thế giới) gồm 3 phần: Phần 1. Điều kiện tiên quyết (đào tạo, nâng cấp điều kiện phần cứng); Phần 2. Chương trình tiên quyết (Quy phạm sản xuất tốt - GMP, Quy phạm vệ sinh chuẩn-SSOP) và Phần 3. Kế hoạch HACCP.

Như vậy nếu nói “quản lý an toàn thực phẩm” thì cần phải hiểu là đã bao gồm quy phạm vệ sinh chuẩn rồi. Nếu nói là “quản lý an toàn, vệ sinh thực phẩm” là không đúng vì trong an toàn đã có vệ sinh.

Nhận xét của người viết bài này:

Dùng từ đúng	Dùng từ sai
Luật an toàn thực phẩm	Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm
Cục an toàn thực phẩm, Bộ Y tế	Cục vệ sinh, an toàn thực phẩm, Bộ Y tế
Cục quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản. Bộ NN&PTNT	Cục quản lý chất lượng, an toàn, vệ sinh và thú y thủy sản, Bộ Thủy sản
Quản lý an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng và vệ sinh thực phẩm
Sản phẩm an toàn thực phẩm	Sản phẩm an toàn, vệ sinh thực phẩm

Mong sao những sai sót khi sử dụng thuật ngữ như trên ngày càng ít đi. Nhất là khi xây dựng văn bản Luật, khi đặt tên cho các cơ quan quản lý nhà nước và các văn bản chỉ đạo của các cơ quan quản lý về lĩnh vực này. Cơ quan quản lý nhà nước dùng thế nào thì các báo, đài và nhân dân sẽ học theo. Điều đáng lưu ý là những văn bản trên sẽ được dịch ra tiếng Anh, các tổ chức quốc tế, các quốc gia và các chuyên gia sẽ đọc những văn bản này và họ sẽ đánh giá được mức độ hội nhập quốc tế của chúng ta.

EU SỬA ĐỔI VIỆC GIA HẠN ỦY QUYỀN ĐỐI VỚI CHẤT SELENOMETHIONINE ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ SACCHAROMYCES CEREVISIAE CNCM I-3399

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 12/01/2021, Liên minh
Châu Âu đưa ra thông báo số
G/SPS/N/EU /457 có nội dung
về một số sửa đổi liên quan
đến việc gia hạn cấp phép đối
với chất selenomethionine
được sản xuất bởi
Saccharomyces cerevisiae
CNCM I-3399.



Theo đó, chất Selenomethionine được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399 đã được ủy quyền trong 10 năm làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật theo Quy định của Ủy ban (EC) số 900/2009. Theo Điều 14 của Quy định (EC) số 1831/2003, đơn xin gia hạn giấy phép selenomethionine được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CNCM

I-3399 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật trong danh mục các chất phụ gia với tên gọi “Phụ gia dinh dưỡng” đã được đệ trình. Đơn đăng ký được đính kèm với các chi tiết cụ thể và tài liệu được yêu cầu theo Điều 14 của Quy định (EC) số 1831/2003.

Sau khi các kết quả từ những ý kiến của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (viết tắt EFSA) vào ngày 7 tháng 5 năm 2020 cho

rằng trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, selenomethionine được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399 không có tác dụng phụ đối với sức khỏe động vật, an toàn đối với người tiêu dùng hoặc môi trường. Cơ quan này cũng kết luận rằng chất phụ gia này có khả năng gây mẫn cảm da và hô hấp. Do đó, Ủy ban nhận thấy cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia này. Các bằng chứng khoa học về hiệu quả của chất phụ gia cho thấy chất này có thể chịu được trong quy trình gia hạn dựa trên sự cho phép ban đầu. Cuối cùng, Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã đề nghị thay đổi tên gọi phân loại của chất phụ gia này. Bên cạnh đó EFSA cũng đã xác minh báo cáo về phương pháp phân tích phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do Phòng thí nghiệm tham chiếu thiết lập theo Quy định (EC) số 1831/2003.

Việc đánh giá selenomethionine do *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399 sản xuất cho thấy rằng các điều kiện đề được cấp phép như quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003 đều được đáp ứng. Theo đó việc cấp phép cho phụ gia này nên được gia hạn. Do việc gia hạn cấp phép cho selenomethionine do *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399 sản xuất được sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi khiến cho Quy định (EC) số 900/2009 sẽ được bãi bỏ.

Vì lý do an toàn không yêu cầu áp dụng ngay lập tức các sửa đổi dành cho các điều kiện ủy quyền đối với selenomethionine được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399 nên phía nhà chức trách của

EU cho phép một giai đoạn chuyển tiếp để các bên quan tâm tự chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu mới do gia hạn ủy quyền.

Cụ thể, các nội dung chủ yếu của quy định được nhắc tới tại điều 2 của quy định mới cho thấy Selenomethionine được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399 và hỗn hợp trộn có chứa phụ gia này được sản xuất và dán nhãn trước ngày 6 tháng 7 năm 2021 theo các quy tắc áp dụng trước ngày 6 tháng 1 năm 2021 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi hết hàng tồn kho. Đối với các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thức ăn hỗn hợp có chứa hàm lượng selenomethionine được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399, được sản xuất và dán nhãn trước ngày 6 tháng 1 năm 2022 theo các quy tắc áp dụng trước ngày 6 tháng 1 năm 2021 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi nguồn dự trữ hiện có cạn kiệt nếu chúng được dùng cho động vật sản xuất thực phẩm. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thức ăn hỗn hợp có chứa selenomethionine được sản xuất bởi *Saccharomyces cerevisiae* CNCM I-3399, được sản xuất và dán nhãn trước ngày 6 tháng 1 năm 2023 theo các quy tắc áp dụng trước ngày 6 tháng 1 năm 2021 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và sử dụng cho đến khi nguồn dự trữ hiện có cạn kiệt nếu chúng được sử dụng cho động vật không sản xuất thực phẩm.

Như vậy Quy chế này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu. Quy chế này sẽ có giá trị ràng buộc toàn bộ và được áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.



NHẬT BẢN: SỬA ĐỔI CÁC TIÊU CHUẨN VỀ DƯ LƯỢNG HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP

Ngày 08/01/2021, liên tiếp các thông báo của Nhật Bản được đưa ra có nội dung về việc sửa đổi những tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm Nhật Bản.

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Cụ thể, Nhật Bản đã đưa ra tổng cộng năm thông báo cho việc áp dụng sửa đổi mức giới hạn dư lượng tối đa cho năm hóa chất nông nghiệp bao gồm có: Oxathiapiprolin; Tildipirosin; Nanafrocin; Pydiflumetofen và Mefentri fluconazole. Trước đây vào ngày 30 tháng 7 năm 2020 Nhật Bản đã ra các thông báo liên quan đến việc sửa đổi Đạo luật Vệ sinh Thực, đề xuất thay đổi mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với năm chất này và đã được thông qua và công bố vào ngày 16 tháng 11 năm 2020 vừa qua.

Đối với chất Mefentri fluconazole, thông báo số G/SPS/N/JPN/766/Add.1 có đính kèm nội dung toàn văn bao gồm bảng quy định mức MRL đối với chất này dành cho 85 mặt hàng bao gồm cả sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật. Trong số đó có 72 mặt hàng được nâng mức MRL và đã có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2020. Tương tự, đối với các chất Pydiflumetofen và Tildipirosin được quy định trong bảng liệt kê

lần lượt bao gồm 38 và 5 loại hàng hóa. Trong khi 36 trên 38 hàng hóa được nâng mức MRL đối với chất Pydiflumetofen thì toàn bộ các hàng hóa trong bảng liệt kê của Tildipirosin đều đã được nâng lên.

So với thông báo trước đó thì tại thông báo số G/SPS/N/JPN/768/Add.1 lần này của Nhật Bản cho thấy chất Nanafrocin được quy định mức MRL dành cho 6 loại hàng hóa có nguồn gốc từ động vật như cơ bắp gia súc; chất béo gia súc; gan bò, thận gia súc; nội tạng ăn được từ gia súc; sữa đều được giữ nguyên mức như trong thông báo trước. Vì chất này tương ứng với một chất kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp hóa học, hợp chất sẽ không được bao gồm trong bất kỳ hàng hóa nào mà MRL không được đưa ra trong bảng đã liệt kê và bất kỳ hàng hóa nào không được liệt kê trong đó.

Đặc biệt đối với chất Oxathiapiprolin được nhắc tới trong thông báo số G/SPS/N/JPN/770/

Add.1 của Nhật Bản có một số quy định khác biệt hơn những chất kể trên. Bảng liệt kê các mức MRL đối với chất này bao gồm có 77 loại hàng hóa khác nhau, ngoài 29 loại hàng hóa được nâng mức dư lượng tối đa đối với chất Oxathiapiprolin này vào ngày 16 tháng 11 năm 2020 còn có 1 hàng hóa được hạ mức MRL là “cải xoong” và sẽ được áp dụng vào ngày 16 tháng 11 của năm 2021. Đối với các loại hàng hóa không được liệt kê trong bảng thì giới hạn được áp dụng quy định ở mức là 0,01 ppm. Bên cạnh đó một số danh mục hàng hóa không được thiết lập mức MRL và bị xóa bỏ khỏi danh sách là “dưa hấu” và “dưa lưới”, theo đó trong

lần sửa đổi này Nhật Bản đã quy định các loại thực phẩm mới liên quan đến dưa được phân loại trở thành “Dưa nước” (Water Melons) và “Dưa” (Melons) với điều kiện toàn bộ sản phẩm đã được loại bỏ phần thân.

Có thể thấy với việc thay đổi này rất nhiều mặt hàng sẽ chịu ảnh hưởng từ các quy định mới về mức dư lượng tối đa dành cho năm loại hàng hóa chất nông nghiệp này. Các sản phẩm được liệt kê trong bảng tham chiếu vô cùng đa dạng với nguồn gốc cả từ thực vật và động vật vì vậy cần đặc biệt lưu ý để tránh vi phạm các yêu cầu từ phía Nhật Bản.



ÚC THÔNG BÁO VỀ CÁC YÊU CẦU CẤP PHÉP NHẬP KHẨU THEO KẾ HOẠCH ĐỐI VỚI HẠT GIỐNG APIACEOUS

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/AUS/512 ngày 5/1/2021, Bộ Nông nghiệp, Nước và Môi trường Úc sẽ đưa ra yêu cầu vào ngày 30/3/2021 về giấy phép nhập khẩu đối với các loại hạt giống apiaceous được nhập khẩu nhằm mục đích phục vụ người tiêu dùng và làm giống, cụ thể:



- *Anthriscus cerefolium* (rau mùi)



- *Apium tombolens* (cần tây)



- *Foeniculum vulgare* (thì là)



- *Pastinaca sativa* (củ cải vàng)



- *Petroselinum crispum* (mùi tây)

Giấy phép nhập khẩu sẽ cần được cấp cho các loài trên vì các yêu cầu cụ thể về kiểm dịch thực vật nhập khẩu để quản lý nguy cơ dịch bệnh lây lan qua hạt giống.

Các lô hàng đến vào hoặc sau ngày 30 tháng 3 năm 2021 mà không có giấy phép nhập khẩu, bao gồm cả các trường hợp đơn đăng ký hiện đang được xem xét, sẽ được chuyển tải xuất khẩu hoặc tiêu hủy theo quy định đã được phê duyệt. Các lô hàng đến lãnh thổ Úc trước ngày 30 tháng 3 năm 2021 sẽ được phép nhập khẩu mà không cần giấy phép.



TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/USA/3222 ngày 6/1/2021, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đang trưng cầu ý kiến về việc thiết lập các quy định cho việc vận chuyển của một số động vật được biến đổi gen hoặc phát triển bằng kỹ thuật di truyền. Theo dự tính, USDA sẽ ban hành các quy định cấp quyền cho Bộ thông qua Đạo luật Bảo vệ sức khỏe động vật, Đạo luật thanh tra thịt Liên bang (FMIA) và Đạo luật thanh tra sản phẩm gia cầm (PPIA). Căn cứ vào các cơ quan có thẩm quyền này, Cơ quan kiểm tra sức khỏe động, thực vật (APHIS) sẽ tiến hành đánh giá an toàn đối với các động vật tuân theo FMIA hoặc PPIA đã được biến đổi gen hoặc phát triển bằng cách sử dụng kỹ thuật di truyền có thể làm tăng tính nhạy cảm của động vật với vật gây hại hoặc dịch bệnh của vật nuôi, bao gồm cả các bệnh lây truyền từ động vật sang người. Dịch vụ kiểm tra và an toàn thực phẩm (FSIS) sẽ tiến hành đánh giá an toàn thực phẩm trước khi giết mổ để đảm bảo rằng việc giết mổ và chế biến một số động vật được biến đổi gen hoặc phát triển bằng kỹ thuật di truyền sẽ không dẫn đến sản phẩm bị pha trộn hoặc đóng dấu nhầm.

HOA KỲ QUY ĐỊNH VỀ VIỆC VẬN CHUYỂN ĐỘNG VẬT BIẾN ĐỔI GEN HOẶC PHÁT TRIỂN BẰNG KỸ THUẬT DI TRUYỀN



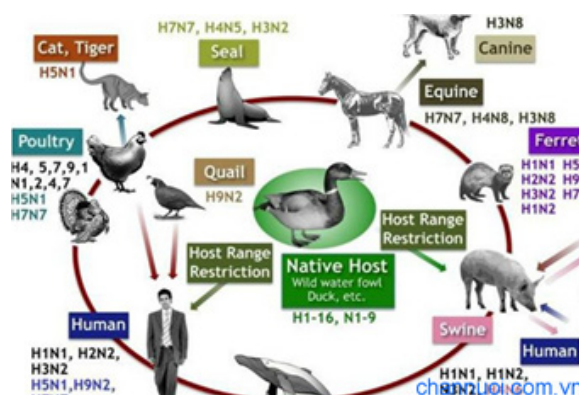


CỤC PHÁT TRIỂN CHẶN NUÔI THÁI LAN RA LỆNH TẠM NGỪNG NHẬP KHẨU GIA CẦM SỐNG VÀ THỊT GIA CẦM TỪ VIỆT NAM ĐỂ NGĂN CHẶN SỰ LẦY LAN CỦA CÚM GIA CẦM ĐỘC LỰC CAO (Serotype H5N6 và H5N1)

Theo thông báo của Công báo Chính phủ Thái Lan ngày 24 tháng 7 năm 2020, việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam đã hết hiệu lực vào ngày 22/10/2020. Tuy nhiên, Tổ chức Thú y Thế giới đã thông báo về việc tiếp tục bùng phát dịch cúm gia cầm độc lực cao tại một số khu vực ở Việt Nam. Do đó, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh Cúm gia cầm độc lực cao vào nước này. Theo Đạo luật dịch tễ động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam bị tạm ngừng trong thời hạn 90 ngày sau khi đăng trên Công báo Hoàng gia Thái Lan (ngày 15/12/2020).

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam



DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG THÁNG 1/2021

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/KOR/706	Hàn Quốc	05/01/2021	Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm.
2	G/SPS/N/KOR/705	Hàn Quốc	05/01/2021	Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm
3	G/SPS/N/EU/407 /Add.1	Liên minh Châu Âu	05/01/2021	Các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong Liên minh Châu Âu đối với vi rút hại quả cà chua nâu (ToBRFV)
3	G/SPS/N/EU/407 /Add.1	Liên minh Châu Âu	05/01/2021	Các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong Liên minh Châu Âu đối với vi rút hại quả cà chua nâu (ToBRFV)
4	G/SPS/N/CHL/659	Chi Lê	05/01/2021	Các yêu cầu về sức khỏe để nhập khẩu vào Chi lê các thức ăn chế biến sẵn có chứa các thành phần có nguồn gốc từ động vật.
5	G/SPS/N/CAN/1364	Canada	05/01/2021	Thông báo về đề xuất của Bộ Y tế Canada về việc cho phép sử dụng giấm biến tính làm chất bảo quản trong một số sản phẩm và chế phẩm từ thịt và gia cầm - Số tham chiếu: NOP / ADP-0036.
6	G/SPS/N/AUS/512	Úc	05/01/2021	Thông báo về các yêu cầu cấp phép nhập khẩu theo kế hoạch đối với hạt giống apiaceous.
7	G/SPS/N/USA/3222	Hoa Kỳ	06/01/2021	Quy định về việc vận chuyển của động vật được biến đổi gen hoặc phát triển bằng kỹ thuật di truyền [Docket số APHIS-2020-0079].
8	G/SPS/N/USA/3221	Hoa Kỳ	06/01/2021	Biên nhận của một số đơn yêu cầu kiểm tra thuốc bảo vệ thực vật về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau (tháng 11/2020). Thông báo về việc nộp đơn khởi kiện và yêu cầu cho ý kiến.

9	G/SPS/N/USA/3220	Hoa Kỳ	06/01/2021	Biên nhận của một số đơn yêu cầu kiểm tra thuốc bảo vệ thực vật về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc nộp đơn khởi kiện và yêu cầu cho ý kiến.
10	G/SPS/N/USA/3219	Hoa Kỳ	06/01/2021	2,4-D; Tồn dư thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng.
11	G/SPS/N/USA/3218	Hoa Kỳ	06/01/2021	Đánh giá đăng ký thuốc trừ sâu; Đề xuất quyết định tạm thời cho chlorpyrifos; Thông báo về sự sẵn có.
12	G/SPS/N/CAN/1365	Canada	11/01/2021	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm cho phép sử dụng pectinase từ nấm <i>Aspergillus niger</i> trong các sản phẩm rau quả không đạt tiêu chuẩn - Số Tham chiếu: NOM / ADM-0157.
13	G/SPS/N/EU/459	Liên minh Châu Âu	12/01/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2020/2120 ngày 16 tháng 12 năm 2020 sửa đổi Quy định thực thi (EU) 2016/1964 liên quan đến việc cho phép điều chế montmorillonite-illite làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật.
14	G/SPS/N/EU/458	Liên minh Châu Âu	12/01/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2020/2118 ngày 16 tháng 12 năm 2020 liên quan đến việc gia hạn giấy phép đối với chất <i>Pediococcus pentosaceus</i> DSM 16244 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 514/2010
15	G/SPS/N/EU/457	Liên minh Châu Âu	12/01/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2020/2117 ngày 16 tháng 12 năm 2020 liên quan đến việc gia hạn cấp phép đối với chất Selenomethionine được sản xuất bởi <i>Saccharomyces cerevisiae</i> CNCM I-3399 với tên mới là “Selenised yeast <i>saccharomyces cerevisiae</i> CNCM I-3399” làm phụ gia thức ăn cho tất cả động vật loài và bãi bỏ Quy định (EC) số 900/2009

16	G/SPS/N/EU/456	Liên minh Châu Âu	12/01/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2020/2116 ngày 16 tháng 12 năm 2020 liên quan đến việc gia hạn giấy phép đối với chất L-histidine monohydrochloride monohydrate được sản xuất bởi Escherichia coli ATCC 9637 như một chất phụ gia thức ăn cho cá mòi và việc mở rộng sử dụng cho các loài cá có vây khác và bãi bỏ Quy định (EC) Số 244/2007
17	G/SPS/N/IDN/138 /Corr.1	Indonesia	13/01/2021	Quy định của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Quốc gia Indonesia số 13 năm 2019 về Giới hạn tối đa ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm đã chế biến.
18	G/SPS/N/IDN/137 /Corr.1	Indonesia	13/01/2021	Quy định của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Quốc gia Indonesia số 8 năm 2018 về Giới hạn tối đa ô nhiễm hóa chất trong thực phẩm chế biến.
19	G/SPS/N/CHL/661	Chi Lê	13/01/2021	Thiết lập các sản phẩm có nguồn gốc động vật mà không cần sự chấp thuận của SAG để nhập cảnh vào Chile và bãi bỏ Nghị quyết 3081 năm 2006.
20	G/SPS/N/NZL/643	Niu-di-lân	14/01/2021	Tiêu chuẩn quản lý rủi ro thủ công cho máy bay từ tất cả các quốc gia.
21	G/SPS/N/IND/261	Ấn Độ	14/01/2021	Dự thảo Quy định sửa đổi về tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Cấp phép và đăng ký kinh doanh thực phẩm), năm 2020.
22	G/SPS/N/BRA/1876	Brazil	14/01/2021	Hướng dẫn Quy phạm số 71 ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc cho phép nhập khẩu các loài thực vật, các sản phẩm và phụ phẩm của chúng - Sửa đổi một số Điều khoản
23	G/SPS/N/BRA/1867	Brazil	14/01/2021	Dự thảo nghị quyết số 978, ngày 15 tháng 12 năm 2020, liên quan đến hoạt chất C30 - CIFLUTRINA (cyfluthrin) của danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố trong Resolution - RE số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Brazil

24	G/SPS/N/BRA/1877	Brazil	18/01/2021	Hướng dẫn Quy phạm số 118 ngày 11 tháng 01 năm 2021 về quy trình kiểm tra lại các sản phẩm động vật ăn được nhập khẩu.
25	G/SPS/N/JPN/826	Nhật Bản	19/01/2021	Sửa đổi "Pháp lệnh của Bộ trưởng về quy cách và tiêu chuẩn thức ăn và phụ gia thức ăn chăn nuôi" (Pháp lệnh số 35 ngày 24 tháng 7 năm 1976 của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản).
26	G/SPS/N/MMR/8	Myanmar	20/01/2021	Luật Phát triển Chăn nuôi và Thú y
27	G/SPS/N/THA/361	Thái Lan	22/01/2021	DLD ra lệnh tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và xác gia cầm từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của Cúm gia cầm độc lực cao (Serotype H5N6 và H5N1).
28	G/SPS/N/IDN/139	Indonesia	22/01/2021	Dự thảo sửa đổi cuối cùng Nghị định của Bộ trưởng Thủy sản và các vấn đề về Hàng hải của Indonesia liên quan đến việc chỉ định các loại, chủng loại và vật mang bệnh thủy sản thuộc dạng phải kiểm dịch .
29	G/SPS/N/MYS/48	Malaysia	25/01/2021	Yêu cầu nhập khẩu mới đối với việc nhập khẩu ngũ cốc và các sản phẩm từ ngũ cốc vào Malaysia năm 2021.
30	G/SPS/N/EU/461	Liên minh Châu Âu	28/01/2021	Quy chế thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/51 ngày 22 tháng 01 năm 2021 cho phép thay đổi các điều kiện sử dụng của thực phẩm mới 'transresveratrol' theo Quy định (EU) 2015/2283 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu và sửa đổi Quy chế thực hiện của Ủy ban (EU) 2017/2470
31	G/SPS/N/EU/460	Liên minh Châu Âu	28/01/2021	Dự thảo Quy định của Ủy ban Thực thi rút lại việc phê duyệt hoạt chất alpha-cypermethrin theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường và sửa đổi Quy định Thực thi của Ủy ban EC Số 540/2011.
32	G/SPS/N/RUS/205	Nga	29/01/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo Quyết định về việc sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch thực vật thông thường đối với các sản phẩm kiểm dịch và vật thể được kiểm dịch ở biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU).

33	G/SPS/N/RUS/204	Nga	29/01/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo Quyết định về việc sửa đổi Phần I của Danh mục sản phẩm đã qua kiểm dịch (hàng đã qua kiểm dịch, vật liệu đã qua kiểm dịch, hàng hóa đã qua kiểm dịch) thuộc diện kiểm dịch thực vật (giám sát) tại biên giới hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu và trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (sau đây gọi là "Danh sách").
----	-----------------	-----	------------	--

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G / S P S / N / TPKM/548 /Add.1	Đài Loan	05/01/2021	Quy định về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn lá cà phê (<i>Coffea arabica</i> , <i>Coffea canephora</i>) làm nguyên liệu thực phẩm
2	G / S P S / N / TPKM/547 /Add.1	Đài Loan	05/01/2021	Quy định về việc hạn chế sử dụng dầu cá làm nguyên liệu thực phẩm
3	G / S P S / N / TPKM/526	Đài Loan	05/01/2021	Quy định về việc hạn chế sử dụng dầu cá làm nguyên liệu thực phẩm
4	G/SPS/N/CAN/1340	Canada	05/01/2021	Thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa dành cho chất: Oxathiapiprolin
5	G/SPS/N/EU/371	Liên minh Châu Âu	06/01/2021	Mức dư lượng tối đa đối với azinphos-methyl, bentazone, dimethomorph, fludioxonil, flufenoxuron, oxadiazon, phosalone, pyraclostrobin, dầu cao và teflubenzuron trong hoặc trên một số sản phẩm.
6	G/SPS/N/EU/403	Liên minh Châu Âu	07/01/2021	Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật để nhập khẩu vào Liên minh EU và di chuyển trong Liên minh đối với các lô hàng động vật thủy sản và một số sản phẩm có nguồn gốc động vật từ động vật thủy sản, chứng nhận chính thức

7	G/SPS/N/EU/401	Liên minh Châu Âu	07/01/2021	Mẫu Giấy chứng nhận sức khỏe động vật, giấy chứng nhận chính thức và giấy chứng nhận chính thức/thứ y, để nhập khẩu vào Liên minh EU và di chuyển trong Liên minh EU đối với các lô hàng của một số loại động vật và hàng hóa, chứng nhận chính thức liên quan đến các chứng chỉ đó
8	G/SPS/N/JPN/771 /Add.1	Nhật Bản	08/01/2021	Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
9	G/SPS/N/JPN/770	Nhật Bản	08/01/2021	Những tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, ban hành các quy tắc cuối cùng)
10	G/SPS/N/JPN/769	Nhật Bản	08/01/2021	Những tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, ban hành các quy tắc cuối cùng)
10	G/SPS/N/JPN/768 /Add.1	Nhật Bản	08/01/2021	Những tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, ban hành các quy tắc cuối cùng)
12	G/SPS/N/JPN/767	Nhật Bản	08/01/2021	Những tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, ban hành các quy tắc cuối cùng)
13	G/SPS/N/JPN/766 /Add.1	Nhật Bản	08/01/2021	Những tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, ban hành các quy tắc cuối cùng)

14	G / S P S / N / TPKM/525	Đài Loan	25/01/2021	Tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm
15	G/SPS/N/TUR/109	Thổ Nhĩ Kỳ	27/01/2021	Thông báo của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ về việc sửa đổi các biện pháp khẩn cấp nhằm ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của vi rút hại quả cà chua nâu cà chua (ToBRFV) vào Thổ Nhĩ Kỳ
16	G / S P S / N / TPKM/542	Đài Loan	27/01/2021	Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong sản phẩm động vật
17	G/SPS/N/THA/289	Thái Lan	28/01/2021	Dự thảo điều kiện nhập khẩu hạt ngô để gieo vào Thái Lan
18	G/SPS/N/THA/288	Thái Lan	28/01/2021	Dự thảo điều kiện nhập khẩu hạt cà chua để gieo hạt vào Thái Lan
19	G/SPS/N/THA/287	Thái Lan	28/01/2021	Dự thảo điều kiện nhập khẩu hạt cà tím để gieo hạt vào Thái Lan
20	G/SPS/N/THA/286	Thái Lan	28/01/2021	Dự thảo điều kiện nhập khẩu hạt ớt chuông để gieo hạt vào Thái Lan
21	G/SPS/N/EU/407	Liên minh Châu Âu	29/01/2021	Các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong Liên minh vì rút hại quả cà chua nâu (ToBRFV)
22	G/SPS/N/EU/380	Liên minh Châu Âu	29/01/2021	Việc thực hiện các kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác của thể nhân được ủy quyền cụ thể và thời gian áp dụng các biện pháp tạm thời

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

